

Đà Lạt, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI
Hiện trạng cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2024- 2025

I. Tình hình hiện trạng công trình cơ sở vật chất nhà trường, đối chiếu tiêu chuẩn quy định

STT	Nội dung	Quy định mới (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020)			Hiện trạng của trường (đánh dấu "x" vào ô tương ứng nếu đạt Giải thích rõ lý do vào ô tương ứng nếu không đạt			
		Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng g	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
	Quy Mô	Trường trung học phổ thông Tối thiểu 15 lớp; tối đa 45 lớp Trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô tối thiểu 09 lớp và tối đa 45 lớp			31	x	x	x
	Diện tích	Bình quân tối thiểu 10 m ² /1 HS. trường có tổ chức nội trú: diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú bảo đảm 6m ² /1 HS.			9,16	x	x	x
1	Khối phòng học tập	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng g	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
1.1	Phòng học	bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; 1,50m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 45m ² /phòng			0,64; 0,71; 48	x	x	x
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	Tối thiểu 01 phòng; 2,45m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng			01	x	x	x
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	Tối thiểu 01 phòng; 2,45m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng			01	x		
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	Tối thiểu 01 phòng; 2,45m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng			01	x	x	
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	Tối thiểu 01 phòng; 2 m ² / HS; Tổng diện tích	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng		2	x	x	x

		không nhỏ hơn 60m ² /phòng					
1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	Tối thiểu 01 phòng; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x	x	
1.7	Phòng học đa chức năng	Tối thiểu 01 phòng; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x	x	
1.8	Phòng học bộ môn Vật lý	Tối thiểu 01 phòng 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x	x	
1.9	Phòng học bộ môn Hóa học	Tối thiểu 01 phòng 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x	x	
1.10	Phòng học bộ môn Sinh học	Tối thiểu 01 phòng 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng đối với trường có trên 30 lớp; 2 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	1	x		
1.11	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	-	Tối thiểu 01 phòng 1,50 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	Tối thiểu 02 phòng 1,50 m ² /HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	0	-	x

2	Khối phòng hỗ trợ học tập	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
2.1	Thư viện	môi trường có tối thiểu 01 thư viện; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh; 0,60m ² / HS	phòng đọc cho học sinh tối thiểu 45 chỗ, phòng đọc giáo viên tối thiểu 20 chỗ. 0,60m ² / HS; phòng đọc 2,40m ² /chỗ Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số HS toàn trường		1	x	x	
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ đựng; 48m ² /phòng			0	x	x	
2.3	Phòng tư vấn học đường	Bảo đảm có 01 phòng; 24m ² /phòng			1	x	x	
2.4	Phòng Đoàn Thanh niên	bảo đảm có 01 phòng 0,03m ² / HS		Có phòng riêng. 0,03m ² / HS	1	x	x	x
2.5	Phòng truyền thống	bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị; 48m ² /phòng; Trường hợp kết hợp với Phòng Đoàn Thanh niên, diện tích tối thiểu 54m ²		Có phòng riêng. 48m ² /phòng	1	x	x	
3	Khối phụ trợ	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
3.1	Phòng họp	có 01 phòng; 1,20m ² /người			1	x	x	x
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	tối thiểu 01 phòng sử dụng chung cho các tổ; đối với trường có quy mô lớn hơn 30 lớp,	có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn; 30m ² /phòng		0	x	x	x

		có tối thiểu 02 phòng; 30m ² /phòng						
3.3	Phòng y tế trường học	bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; 24m ² /phòng		1	x	x		
3.4	Nhà kho	bảo đảm có 01 phòng; 48m ² /kho		0				
3.5	Khu để xe HS	0,90m ² /xe đạp; 2,50m ² /xe máy; Số lượng xe được tính từ 50% đến 70% tổng số HS toàn trường		0	x	x		
3.6	Khu vệ sinh HS	bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng 0,06m ² / HS	khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học 0,06m ² / HS	01	x	x		
		Thiết bị: đối với phòng vệ sinh nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với phòng vệ sinh nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh		04/1 355	x	x		
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	-	bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng; 12m ² /phòng	0	-	x		
3.8	Phòng giáo viên	-	-	nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định 4m ² /giáo viên	0	-	-	Không có

4	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2	Số lượng	Mức tối thiểu	CQG mức độ 1	CQG mức độ 2
4.1	Sân trường	01 sân; bằng phẳng, có cây xanh bóng mát; 1,50m ² / HS			01	x	x	x
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² / HS; Tổng diện tích sân không nhỏ hơn 350m ²	Sân thể dục thể thao ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly, có khu vực tập thể dục thể thao có mái che	Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn 0,35m ² / HS; Tổng diện tích sân không nhỏ hơn 350m ²	01	x	x	
4.3	Nhà đa năng	-	-	450m ² /nhà	01	-	-	Không đạt: chỉ 300m ²
5	Khối phục vụ sinh hoạt					Nhà trường không tổ chức bán trú, nấu ăn.		
5.1	Nhà bếp (Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn));	độc lập với khối phòng học và hồ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh; 0,30m ² / HS						
5.2	Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)	phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm; 10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực						
5.3	Nhà ăn(đối với trường có tổ chức bán trú, nội trú)	0,75m ² /chỗ; Số chỗ được tính với 35% tổng số HS, giáo viên, nhân viên toàn trường						
5.4	Nhà ở nội trú học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú)	bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị; 4m ² /chỗ						

	trú):					
5.5	Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú)	bố trí ở khu nhà ở nội trú, dùng cho giáo viên quản lý học sinh nội trú; 9m ² /phòng				
5.6	Phòng sinh hoạt chung (đối với trường có tổ chức nội trú)	bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; 0,20m ² / HS; Tổng diện tích không nhỏ hơn 36m ² /phòng				
5.7	Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú)	-	0,80m ² / HS			

HIỆU TRƯỞNG



Trần Duy Luật